



PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 24/6/2026 của Hội đồng nhân dân xã Phan Ngoc Hien)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao dịch số ... hoặc NT2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bỏ tri vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú
									Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Quyết định đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III			
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư															
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
	TỔNG SỐ															0	0	1.478.288	1.478.288	0	32.500	32.500	0	114.300	113.800	500		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																	471.300	471.300	0	0	0	0	54.800	54.800	0		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới																	471.300	471.300	0	0	0	0	54.800	54.800			
1	Giao thông																	449.700	449.700	0	0	0	0	54.800	54.800			
1.1	Trục áp, liên ấp Xẻo Ngay			C	ấp Xẻo Ngay	Dài 2km; rộng 3,5m												6.400	6.400									
1.2	Lộ bê tông từ đường Bông Ván Đĩa đến ngon Dầu Đước, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Kiến Vàng	Dài 1,2km, rộng 2,0m												1.200	1.200					1.200	1.200			
1.3	Tuyến bê tông Xẻo Ngay (từ nhà ông Bùi Văn Đầu đến ngon Chim Đẻ)			C	ấp Xẻo Ngay	Dài 1,7km; rộng 3,5m												7.600	7.600									
1.4	Lộ bê tông từ cầu Kênh Kiều đến cầu ngon Kênh Cóc, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Đường Đào	Dài 3,4km, rộng 2,0m												3.400	3.400					3.400	3.400			
1.5	Lộ bê tông từ nhà ông Tám đến ngon Kênh Cúng, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Tam Hiệp	Dài 0,4km, rộng 3,5m												1.800	1.800									
1.6	Lộ bê tông từ cầu ngon Kênh Đào đến rạch Con Chồn, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Đường Đào	Dài 6km, rộng 2,0m												6.000	6.000					6.000	6.000			
1.7	Lộ bê tông từ đường HCM đến ngon Rạch Cút, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Rạch Lùm	Dài 0,82km, rộng 3,5m												9.000	9.000									
1.8	Lộ bê tông từ đường HCM đến ngon Kênh Cúng, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Tam Hiệp	Dài 2,7km, rộng 3,5m												12.000	12.000									
1.9	Lộ bê tông Kênh Nông Cạn, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Tam Hiệp	Dài 2,5km, rộng 3,5m												11.000	11.000									
1.10	Lộ bê tông từ vàm Kênh Đào đến Ngon Kênh Đào, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Đường Đào	Dài 2,2km, rộng 3,5m												10.000	10.000									

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao Dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1.11	Lộ bê tông từ ngọn Chim dẻ đến rạch Mặt Trời, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Rạch Gốc B	Dài 1,8km, rộng 3,5m												8.000	8.000								
1.12	Lộ bê tông từ Đường HCM đến rạch Xẻo Đước, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Tam Hiệp	Dài 2,2km, rộng 2,0m												2.200	2.200					2.200	2.200		
1.13	Lộ bê tông hai bên Kênh Sáu, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Huế	Dài 1,8km, rộng 3,5m												8.000	8.000								
1.14	Lộ bê tông từ đường 13/12 đến ngọn Kênh Huế, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Huế	Dài 2,1km, rộng 3,5m												9.500	9.500								
1.15	Lộ bê tông từ cầu Kênh Kiểu đến cầu Chim Dẻ, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Rạch Lúm	Dài 3,7km, rộng 2,0m												3.700	3.700					3.700	3.700		
1.16	Lộ bê tông từ ngọn Kênh Một đến ngọn Kênh Huế, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Huế	Dài 1,2km, rộng 3,5m												5.500	5.500								
1.17	Lộ bê tông từ đường HCM (quán Quê Hương) đến ngọn Rạch Dinh, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Tam Hiệp	Dài 3,2km, rộng 3,5m												14.500	14.500								
1.18	Lộ bê tông tuyến kênh Cá Rồ, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Tam Hiệp	Dài 3,1km, rộng 3,5m												14.000	14.000								
1.19	Lộ bê tông từ Đường HCM đến nhà ông Út, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Rạch Gốc B	Dài 1,4km, rộng 3,5m												6.500	6.500								
1.20	Lộ bê tông từ vàm Con Chồn đến ngọn Con Chồn, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Đường Đào	Dài 1,9km, rộng 3,5m												8.500	8.500								
1.21	Tuyến Vàm Con Miếu - Xẻo Đước (Từ cầu Con Miếu đến lộ bê tông)			C	ấp Tắc Biển	Dài 4,3km; rộng 2,0m												5.100	5.100					3.800	3.800		
1.22	Tuyến bê tông từ lộ cấp VI đến vương ông Quyền (Tuyến Xẻo Lạch)			C	ấp Xóm Mới	Dài 2,0km; rộng 2,0m												2.000	2.000					2.000	2.000		BS
1.23	Tuyến bê tông ấp Xóm Mới (Rạch Trung Đoàn)			C	ấp Xóm Mới	Dài 1,7km; rộng 2,0m												2.000	2.000					2.000	2.000		BS
1.24	Tuyến Biên Nhạn (Từ cầu Kinh Ráng-Đồng Khôi đến cầu Cá Đố)			C	ấp Biên Nhạn - Bàn Quý - Kinh Ráng	Dài 10,3km; rộng 2,0m												10.300	10.300					10.300	10.300		

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bỏ tri vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)		Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027		Ghi chú				
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III			
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1.25	Tuyến bê tông nhà ông Huỳnh Văn Nghê - nhà ông Triệu Thanh Liêm			C	ấp Biện Nhạn - Bàn Quý	Dài 5,8km; rộng 3,5m												26.000	26.000								
1.26	Tuyến Cá Mú			C	ấp Xường Tiền	Dài 2,3km; rộng 2,0m												2.300	2.300					1.200	1.200		BS
1.27	Tuyến Chủ Trì			C	ấp Xường Tiền	Dài 6,0km; rộng 2,0m												6.500	6.500					1.500	1.500		
1.28	Tuyến lộ bê tông Cây Phước (từ bờ ruộng ông Nghị đến cầu Cây Phước)			C	ấp Cây Phước	Dài 07km; rộng 2,0m												7.000	7.000					7.000	7.000		
1.29	Tuyến từ Kênh 2 Vàm đến Nhà SHVH ấp Cây Phước			C	ấp Xẻo Lá - Cây phước	Dài 05km; rộng 3,5m												2.200	2.200								
1.30	Tuyến Kinh Ranh (Tuyến cầu Ngọn Mả)			C	ấp Kinh Ranh	Dài 3,5km; rộng 2,0m												4.000	4.000					4.000	4.000		
1.31	Tuyến Kinh Ranh (Tuyến cầu Rạch Cốc)			C	ấp Kinh Ranh	Dài 4,0km; rộng 2,0m												4.000	4.000					4.000	4.000		
1.32	Tuyến Ông Như (Từ lộ cấp VI đầu nối lộ bê tông hiện hữu)			C	ấp Xóm Mới	Dài 2,2km; rộng 3,5m												10.000	10.000								
1.33	Tuyến Xẻo Lá (Từ bờ ruộng ông Quang đến cầu Cá Mú)			C	ấp Xẻo Lá	Dài 5,5km; rộng 2,0m												5.500	5.500					2.500	2.500		
1.34	Tuyến từ nhà Ông Kiêng đến cầu Tắc Ông Thiện			C	ấp Xóm Mới	Dài 5km; rộng 3,5m												2.200	2.200								
1.35	Tuyến Biện Nhạn (từ cầu Hoa Viên đến kênh Ba Hành)			C	ấp Biện Nhạn	Dài 1,8km; rộng 3,5m												8.000	8.000								
1.36	Tuyến Ông Miếu - Hai Vàm			C	ấp Tắc Biển	Dài 5km; rộng 3,5m												2.200	2.200								
1.37	Tuyến lộ bê tông từ cầu Giao Đu - đường Hồ Chí Minh (ấp Cây Phước)			C	ấp Cây Phước	Dài 7km; rộng 3,5m												3.100	3.100								
1.38	Tuyến Tắc Biển (Từ cầu Rạch Vop đến lộ bê tông tuyến Con Miếu)			C	ấp Tắc Biển	Dài 4,5km; rộng 3,5m												20.000	20.000								
1.39	Tuyến Bàn Quý (Từ cầu Núi Đồng đến ngã Tư Bàn Quý)			C	ấp Bàn Quý	Dài 6,2km; rộng 3,5m												28.000	28.000								
1.40	Tuyến Xẻo Ngay (Từ cầu Tân An Tây đến cầu Xẻo Ngay)			C	ấp Xẻo Ngay	Dài 2,6km; rộng 3,5m												12.000	12.000								
1.41	Tuyến Kinh Hàn			C	ấp Cây Phước	Dài 1,4km; rộng 3,5m												6.300	6.300								
1.42	Tuyến Láng Tròn (Từ rạch Xẻo Dinh (đường HCM) đến bờ ruộng ông Lăng (đường HCM))			C	ấp Cây Phước	Dài 7,2km; rộng 2,0m												7.200	7.200								BS
1.43	Nâng cấp, mở rộng Đường số 1 từ nhà ông Nam đến Đồn Biên Phòng, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Kênh Ba	Dài 1,15km, rộng 5m												11.000	11.000								
1.44	Nâng cấp, mở rộng đường BT từ đường 13/12 đến ngã ba nhà ông Đầu, xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Rạch Góc A	Dài 1,3km, rộng 4,5m												10.500	10.500								

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Bảo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1.45	Nâng cấp, mở rộng đường dọc theo sông Rach Gốc từ nhà máy Bọt Cá đến cầu Kênh Huế, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Huế	Dài 1,9km, rộng 4,5m												16.000	16.000								
1.46	Nâng cấp, mở rộng đường BT dọc theo sông Rach Gốc từ Kênh Huế đến Chợ Kiến Vàng, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kiến Vàng	Dài 2,6km, rộng 4,5m												23.500	23.500								
1.47	Nâng cấp, mở rộng đường BT từ Đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Thăm, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Rach Gốc A	Dài 1,45km, rộng 3,5m												8.000	8.000								
1.48	Nâng cấp, mở rộng đường BT từ vàm Đâu Đâu đến Ngón Đâu Đâu, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Rach Góc A - ấp Kênh Một	Dài 1,4km, rộng 3,5m												7.000	7.000								
1.49	Nâng cấp, mở rộng đường BT từ đường Hồ Chí Minh đến Rach Mặt Trời, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Đường Đào	Dài 4,2km, rộng 3,5m												22.000	22.000								
1.50	Nâng cấp, mở rộng đường BT từ Càng Cá đến nhà ông Hiếu, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Một	Dài 700m, rộng 4,5m												6.000	6.000								
1.51	Nâng cấp, mở rộng đường BT cầu Chim Đẻ đến ngon Chim Đẻ, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Rach Góc B	Dài 3km, rộng 3,5m												14.000	14.000								
1.52	Tuyến Dinh Hạn			C	ấp Dinh Hạn	Dài 2km, rộng 2m												2.000	2.000							BS	
1.53	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ khu 59 hồ (Tân Ân cũ)			C	ấp Xẻo Mắm	Dài 6km, rộng 2m												5.000	5.000								
2	Lĩnh vực khác			C														21.600	21.600								
2.1	Dự án Xây dựng công trình cấp nước tập trung ấp Nhung Miên, xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Nhung Miên	1200 hộ												21.600	21.600								
B	NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG (bao gồm nguồn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu)																	1.006.988	1.006.988	0	32.500	32.500	0	59.500	59.000	500	
I	LĨNH VỰC KINH TẾ																	702.350	702.350	0	18.506	18.506	0	58.000	58.000	0	
1	Giao thông																	688.850	688.850	0	18.506	18.506	0	57.000	57.000	0	
1.1	Tuyến Xẻo Ngay (Ngã 3 Xẻo Lá Nhò đến nhà ông Phạm Trung Hiếu) - Giai đoạn 2	8178437	Phòng giao dịch số 15...	C			2026					Số 2700/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	1.968	1.968	2026			1.900	1.900		1.900	1.900					
1.2	Lộ bê tông từ cầu Kênh Mã đến ngon Kênh Mã, xã Phan Ngọc Hiển	8178440		C			2026						Số 2701/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	920	920	2026			900	900		900	900				
1.3	Nâng cấp đường số 15, ấp Nhung Miên	8178888		C			2026						Số 2702/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	2.352	1.800	2026			1.800	1.800		1.800	1.800				
1.4	Nâng cấp, sửa chữa đoạn lộ Xẻo Lá	8178439		C			2026						Số 2703/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	1.281	1.281	2026			1.200	1.200		1.200	1.200			BS	
1.5	Nâng cấp, mở rộng đường BT từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu Chim Đẻ, xã Phan Ngọc Hiển	8178897		C			2026						Số 2704/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	8.370	8.370	2026			8.300	8.300		6.156	6.156				

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú	
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III			
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
1.6	Lộ bề tổng từ đường 13/12 đến kênh Đầu Đầu, xã Phan Ngoc Hiến	8178435	KBNN khu vực XX	C			2026-2027					Số 2705/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	10.283	10.283	2026			10.000	10.000		4.500	4.500						
1.7	Đường số 3 (đoạn từ Cầu Kênh Một đến cầu Kênh Huế), xã Phan Ngoc Hiến	8178438		C			2026-2028						Số 2706/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	20.000	20.000	2026			20.000	20.000		500	500					
1.8	Tuyến đường vào Trạm y tế xã Phan Ngoc Hiến	8178436		C			2026						Số 2707/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	550	550	2026			550	550		550	550					BS
1.9	Tuyến lộ từ cầu ngon Đầu Đầu đến nhà ông Nguyễn Thanh Trung, xã Phan Ngoc Hiến	8178434		C			2026						Số 2708/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	1.400	1.400	2026			1.400	1.400		500	500					BS
1.10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường số 2 (đoạn từ cầu Kênh Ngang đến đường 13-12), thị trấn Rach Gốc			C		Dài 460m, rộng 7m	2026-2027						Số 2709/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	15.000	15.000	2026			15.000	15.000		500	500					
1.11	Đường số 2 (đường 962 nối dài) từ đất ông Thua đến đường vào Đồn biên phòng, xã Phan Ngoc Hiến			C	ấp Kênh Ba	Chiều dài 0,437km, rộng 15m													18.000	18.000								
1.12	Đường số 3 (đoạn từ Cảng Cá đến Đàng uy, xã Phan Ngoc Hiến			C	ấp Kênh Một - ấp Kênh Huế ấp Kiến Vàng	Chiều dài 4km, rộng 4,5m												28.000	28.000								Đã có QĐ đầu tư đoạn từ cầu Kênh Một đến cầu Kênh Huế	
1.13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bê tông từ cầu Nhung Miến (đường HCM) đến trường tiểu học 5			C	ẤP Kênh Ráng	Chiều dài 3km, rộng 3,0m												13.000	13.000					13.000	13.000		BS	
1.14	Nâng cấp, mở rộng đường BT cầu Kênh Kiều đến NVH ấp Đường Đảo, xã Phan Ngoc Hiến			C	ấp Đường Đảo	Dài 5km, rộng 3,0m												21.000	21.000					21.000	21.000			
1.15	Tuyến từ đường Hồ Chí Minh đến trường Tiểu học 5 (điểm Cây Phước)			C	ẤP Xường Tiên, Cây Phước	Dài 5km, rộng 3,0m												21.000	21.000					21.000	21.000		BS	
1.16	Nâng cấp, mở rộng đường số 06 và đường số 09, ấp Nhung Miến			C	ấp Nhung Miến	Dài 0,33km; rộng 3m												2.000	2.000					2.000	2.000			
1.17	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu Kênh Hô (đường HCM) đến cầu Xéo Lá			C	ấp Đường Đảo, ấp Xéo Lá, ấp Tắc Biển	Dài 14km, rộng 3,0m												70.000	70.000								BS	
1.18	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ NVH ấp Bàn Quý đến cầu Kênh Ráng			C	ấp Bàn Quý, ấp Kinh Ráng	Dài 8,5km, rộng 3,0m												38.000	38.000								BS	
1.19	Đường số 12 (đoạn từ đường HCM đến đường số 2), xã Phan Ngoc Hiến			C	ấp Kênh Ba	Chiều dài 0,347km, rộng 30m												35.000	35.000									

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III													
																										Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
1.20	Đường số 6 (đoạn từ đường số 2 đến Đường vào Đồn BP RG), xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Ba	Chiều dài 0,940km, rộng 19m												40.000	40.000								
1.21	Đường số 10 (đoạn từ đường HCM đến Đường Nguyễn Văn Cứng), xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Ba	Chiều dài 0,650km, rộng 26m												40.000	40.000								
1.22	Đường số 11 (đoạn từ đường HCM đến Đường số 2), xã Phan Ngọc Hiển			C	ấp Kênh Ba	Chiều dài 0,434km, rộng 19m												18.000	18.000								
1.23	Xây dựng via hè, thoát nước tuyến đường 13/12 (đoạn từ UBND xã đến cầu Kênh Huế), giai đoạn 2			C	ấp Kiến Vàng	Chiều dài mỗi bên 2,1 km												44.800	44.800								
1.24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ở tổ dân trung tâm thị trấn Rach Gốc (đoạn từ đầu đường vào cảng cá đến vị trí dự kiến xây dựng mới Trường TH2 Thị trấn Rach Gốc)			C	ấp Kênh Một - ấp Rach Gốc A - ấp Rach Lùm	Dài 1,682km, rộng 10 11m và 2 đoạn xây dựng vỉa hè												44.000	44.000								
1.25	Nâng cấp cầu Kênh 3 và cầu Kênh Ông Nam trên tuyến đường 13/12			C	ấp Kênh Một - ấp Rach Gốc A - ấp Rach Lùm	HL93												80.000	80.000								
1.26	Nâng cấp 04 cây cầu trên tuyến đường Bông Văn Dĩa			C	ẤP Kiến Vàng, ấp Tam Hiệp	HL93												80.000	80.000								
1.27	Xây dựng Bờ kè khuôn viên di tích Quốc gia đặc biệt Bến Vàm Lũng			C	ẤP Kiến Vàng	Khoảng 200m												20.000	20.000								
1.28	Tuyến đường số 14 nối dài, ấp Nhung Miên			C	ẤP Nhung Miên	Dài 243m, mặt đường 4,5m												15.000	15.000								
2	Quy hoạch																	13.500	13.500	0	0	0	0	1.000	1.000	0	
2.1	Quy hoạch chung xã Phan Ngọc Hiển			C														5.000	5.000								
2.2	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết điểm dân cư ấp Nhung Miên			C														1.500	1.500								
2.3	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết điểm dân cư ấp Đình Hạm, Nhà Diêu, Rach Gốc, Ô Rô, Xéo Mắm			C														2.000	2.000								
2.4	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm ấp Kiến Vàng			C														1.000	1.000								
2.5	Quy hoạch chi tiết khu Công viên Văn hóa truyền thống Bến Vàm Lũng			C														1.000	1.000					1.000	1.000		
2.6	Quy hoạch chi tiết khu dân cư các ấp			C														3.000	3.000								
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC																	125.638	125.638	0	12.994	12.994	0	1.500	1.000	500	
1	Trường Mầm non Hạnh Phúc	8178873		C	ấp Nhà Diêu		2026					Số 2710/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	2.234	2.234	2026			2.234	2.234		800	800					

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao Dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bỏ tri vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bỏ tri (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú	
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III			
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
2	Trường Tiểu học 1 xã Phan Ngọc Hiến	8178972	Phòng giao dịch số 15 - KBNN khu vực XX	C	Áp Kiến Vàng		2025-2027					Số 2711/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	34.392	34.392	2026			34.392	34.392		10.500	10.500						
3	Trường Tiểu học 3 xã Phan Ngọc Hiến	8181482		C	Áp Rach Góc		2025-2027						Số 2712/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	17.818	17.818	2026			17.818	17.818		500	500					
4	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Chính trị	8178878		C	Áp Kiến Vàng		2026						Số 2713/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	1.194	1.194	2026			1.194	1.194		1.194	1.194					
5	Trường Mầm non Hướng Dương			C	xã Phan Ngọc Hiến	Xây dựng 07 phòng học bộ môn và chức năng; Cải tạo, nâng cấp phòng học, sân, hàng rào; Xây nhà bảo vệ, xây mới 4 phòng học; Nhà vệ sinh; Hệ thống nước sạch,...												11.000	11.000					1.500	1.000	500		
6	Trường Mầm non Hoa Mai			C	xã Phan Ngọc Hiến	Xây dựng 10 phòng học, 03 phòng bộ môn và 09 phòng chức năng; Nhà vệ sinh; Hệ thống nước sạch; Nâng cấp các dãy phòng làm phòng học, nhà ăn,...												26.000	26.000									
7	Trường Mầm non Mầm Xanh			C	xã Phan Ngọc Hiến	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, Cải tạo, nâng cấp phòng học, sân, hàng rào; Nhà vệ sinh; Hệ thống nước sạch,...												5.000	5.000									
8	Trường TH4 xã Phan Ngọc Hiến			C	xã Phan Ngọc Hiến	Xây dựng 11 phòng học bộ môn, chức năng; Cải tạo, nâng cấp phòng học, sân, hàng rào; Nhà vệ sinh; Hệ thống nước sạch,...												9.000	9.000									
9	Trường TH5 xã Phan Ngọc Hiến			C	xã Phan Ngọc Hiến	Hệ thống thoát nước; nâng cấp tuyến đường vào công trường khoảng 200m, Nhà vệ sinh; hệ thống nước sạch,...												5.000	5.000									
10	Trường THCS Bông Văn Dĩa			C	xã Phan Ngọc Hiến	Xây dựng 08 phòng chức năng; Cải tạo, nâng cấp phòng học, sân, hàng rào; Xây dựng 10 phòng học; Nhà vệ sinh; Hệ thống nước sạch,...												6.000	6.000									

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án (ghi đúng tên theo quyết định phê duyệt)	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án (Phòng Giao dịch số ... hoặc NV2)	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm đầu tư (theo địa danh mới)	Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Văn bản giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án đề nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã bố trí (lấy theo Kế hoạch đã giao, không lấy nhu cầu sau điều chỉnh)			Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027			Ghi chú	
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tương ứng theo Mục I, II, III						Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư		Tổng số		Bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
11	Trường THCS Viên An Đông			C	xã Phan Ngọc Hiến	Cải tạo, xây mới khu vệ sinh của giáo viên và học sinh; xây nhà đa năng; nhà xe giáo viên; via hè phía trước cổng trường; (Xây dựng 13 phòng bộ môn và chức năng; Cải tạo, nâng cấp phòng học, sân, hàng rào); Nhà vệ sinh; Hệ thống nước sạch,....												8.000	8.000									
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA																	29.000	29.000	0	1.000	1.000	0	0	0	0		
1	Nâng cấp Khu di tích Cây Me	8179559	Phòng giao dịch số 15 - KBNN khu vực XX		Ấp Rạch Gốc		2026					Số 2714/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	1.000	1.000	2026			1.000	1.000		1.000	1.000						
2	Xây dựng Thư viện - Nhà truyền thống xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Kiến Vàng	1.670m2												3.000	3.000									
3	Nâng cấp khu tượng đài Khởi nghĩa Hòn Khoai			C	Ấp Kênh Ba	Bia ghi danh, hàng rào, nâng cấp sân; chiếu sáng												5.000	5.000									
4	Công viên Văn hóa - cây xanh khu hành chính xã			C	Ấp Kiến Vàng													20.000	20.000									
IV	LĨNH VỰC KHÁC																	150.000	150.000	0	0	0	0	0	0	0		
1	Dự án Khu tái định cư ấp Kiến Vàng, xã Phan Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau			C	ấp Kiến Vàng	221 hộ												50.000	50.000									
2	Nghĩa trang nhân dân xã Phan Ngọc Hiến			C	ấp Tam Hiệp	10ha												40.000	40.000									
3	Xây dựng Hệ thống thu gom nước thải và công trình xử lý nước thải sinh hoạt thị trấn Rạch Gốc (công suất 100m3/ngày đêm)			C	ấp Kinh Ba	công suất 100m3/ngày đêm												10.000	10.000									
4	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp ấp Đường Đào			C	Ấp Đường Đào													50.000	50.000									